

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

**SỐ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG VỀ NGHIỆP VỤ BÁO CHÍ ĐỢT 2 NĂM 2026**

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ lớp Bồi dưỡng về Nghiệp vụ báo chí đợt 2 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 1368-QĐ/HVBC TT-ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Nghiệp vụ báo chí.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 01/3/2026 đến ngày 26/4/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Trần Văn An	10.8.1972	Quảng Trị	Nam	Kinh	044072001583	HBT/BD 005496	NVBC02/2026.01	
2	Trịnh Xuân Bắc	13.6.1986	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	042086009429	HBT/BD 005497	NVBC02/2026.02	
3	Nguyễn Thanh Bình	10.8.1976	Hà Nam	Nam	Kinh	035076004768	HBT/BD 005498	NVBC02/2026.03	
4	Phan Hải Bình	23.7.2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	031304005799	HBT/BD 005499	NVBC02/2026.04	
5	Bùi Văn Bình	29.7.1992	Hà Nội	Nam	Kinh	001092027766	HBT/BD 005500	NVBC02/2026.05	
6	Đoàn Văn Chiến	12.11.1997	Hải Phòng	Nam	Kinh	030097005168	HBT/BD 005501	NVBC02/2026.06	

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Nơi sinh</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Dân tộc</b>	<b>Số định danh cá nhân</b>	<b>Số hiệu CC</b>	<b>Số vào sổ gốc cấp CC</b>	<b>Ký nhận</b>
7	Trần Chấn Cường	20.8.1982	Đồng Nai	Nam	Kinh	075082000703	HBT/BD 005502	NVBC02/2026.07	
8	Phạm Văn Cường	10.9.1988	Hưng Yên	Nam	Kinh	034088003167	HBT/BD 005503	NVBC02/2026.08	
9	Lê Đức Cường	01.02.1981	Gia Lai	Nam	Kinh	052081000532	HBT/BD 005504	NVBC02/2026.09	
10	Nguyễn Văn Điền	01.3.1991	Thái Bình	Nam	Kinh	034091003485	HBT/BD 005505	NVBC02/2026.10	
11	Nguyễn Hữu Đức	17.3.1991	Khánh Hòa	Nam	Kinh	058091008800	HBT/BD 005506	NVBC02/2026.11	
12	Đào Thùy Dương	21.01.1982	Sơn La	Nữ	Kinh	014182000002	HBT/BD 005507	NVBC02/2026.12	
13	Nguyễn Cao Minh Dương	23.8.1995	Hải Phòng	Nam	Kinh	031095004668	HBT/BD 005508	NVBC02/2026.13	
14	Lê Nguyễn Thùy Dương	13.6.2003	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	079303040011	HBT/BD 005509	NVBC02/2026.14	
15	Nguyễn Thanh Hà	12.02.1983	Hà Nội	Nữ	Kinh	001183040125	HBT/BD 005510	NVBC02/2026.15	
16	Nguyễn Quốc Hải	02.4.2005	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	042205002472	HBT/BD 005511	NVBC02/2026.16	
17	Trịnh Thu Hằng	11.8.1979	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038179029152	HBT/BD 005512	NVBC02/2026.17	

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Nơi sinh</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Dân tộc</b>	<b>Số định danh cá nhân</b>	<b>Số hiệu CC</b>	<b>Số vào sổ gốc cấp CC</b>	<b>Ký nhận</b>
18	Lương Minh Hiếu	29.9.1978	Bắc Ninh	Nam	Kinh	024078006145	HBT/BD 005513	NVBC02/2026.18	
19	Nguyễn Ánh Hồng	06.01.2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	001303000959	HBT/BD 005514	NVBC02/2026.19	
20	Nông Thị Bích Huệ	13.02.2002	Lào Cai	Nữ	Tày	010302009216	HBT/BD 005515	NVBC02/2026.20	
21	Lê Thị Kim Huệ	20.6.2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	066305002193	HBT/BD 005516	NVBC02/2026.21	
22	Nguyễn Thị Hương	13.10.1986	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	027186002291	HBT/BD 005517	NVBC02/2026.22	
23	Chu Thị Hương	02.5.1979	Thái Bình	Nữ	Kinh	034179009082	HBT/BD 005518	NVBC02/2026.23	
24	Nguyễn Khắc Hưởng	11.01.1991	Hà Nội	Nam	Kinh	001091037246	HBT/BD 005519	NVBC02/2026.24	
25	Lưu Gia Huy	19.10.2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	024203012204	HBT/BD 005520	NVBC02/2026.25	
26	Lê Thị Huyền	12.01.1992	Hà Nội	Nữ	Kinh	001192024870	HBT/BD 005521	NVBC02/2026.26	
27	Lê Minh	20.4.1977	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	025077004893	HBT/BD 005522	NVBC02/2026.27	
28	Ngô Tuấn Minh	25.9.2000	Lào Cai	Nam	Kinh	015200003781	HBT/BD 005523	NVBC02/2026.28	

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Nơi sinh</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Dân tộc</b>	<b>Số định danh cá nhân</b>	<b>Số hiệu CC</b>	<b>Số vào sổ gốc cấp CC</b>	<b>Ký nhận</b>
29	Phạm Trường Nam	03.01.1981	Hà Nội	Nam	Kinh	001081011755	HBT/BD 005524	NVBC02/2026.29	
30	Lê Bá Năm	10.5.1987	Thanh Hóa	Nam	Kinh	038087009384	HBT/BD 005525	NVBC02/2026.30	
31	Lê Lan Ngọc	21.11.1990	Hà Nội	Nữ	Kinh	001190015400	HBT/BD 005526	NVBC02/2026.31	
32	Hồ Như Nguyệt	02.01.1980	Hà Nội	Nữ	Kinh	001180031092	HBT/BD 005527	NVBC02/2026.32	
33	Lê Thị Ngọc Như	29.9.1993	Cần Thơ	Nữ	Kinh	093193009856	HBT/BD 005528	NVBC02/2026.33	
34	Lê Thị Yến Nhung	27.10.1993	Đồng Nai	Nữ	Nùng	075193001134	HBT/BD 005529	NVBC02/2026.34	
35	Đoàn Thị Cẩm Nhung	02.01.1992	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	056192006957	HBT/BD 005530	NVBC02/2026.35	
36	Đặng Thị Nhung	25.01.1993	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030193018871	HBT/BD 005531	NVBC02/2026.36	
37	Trần Hồng Nhung	28.9.1979	Hà Nội	Nữ	Kinh	001179045015	HBT/BD 005532	NVBC02/2026.37	
38	Nguyễn Minh Phương	31.12.2002	Hà Tây	Nữ	Kinh	001302015763	HBT/BD 005533	NVBC02/2026.38	
39	Hồ Diễm Quỳnh Phương	22.01.1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	001199002738	HBT/BD 005534	NVBC02/2026.39	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
40	Nguyễn Linh Phương	11.12.1999	Bắc Ninh	Nữ	Tày	024199003513	HBT/BD 005535	NVBC02/2026.40	
41	Trần Thị Như Quỳnh	23.8.1986	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038186004368	HBT/BD 005536	NVBC02/2026.41	
42	Lê Ngọc Sơn	01.6.1980	Thanh Hóa	Nam	Kinh	075080000395	HBT/BD 005537	NVBC02/2026.42	
43	Trần Công Tài	16.7.2002	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	079202014415	HBT/BD 005538	NVBC02/2026.43	
44	Trương Hữu Thắng	10.3.1971	Hà Nội	Nam	Kinh	001071013650	HBT/BD 005539	NVBC02/2026.44	
45	Vũ Hải Thanh	04.11.1962	Hà Nội	Nam	Kinh	001062044904	HBT/BD 005540	NVBC02/2026.45	
46	Trần Huy Thịnh	09.01.1978	Hải Dương	Nam	Kinh	017078002880	HBT/BD 005541	NVBC02/2026.46	
47	Trần Thị Thúy	28.02.2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	038305019547	HBT/BD 005542	NVBC02/2026.47	
48	Bùi Văn Tiến	01.11.1979	Nghệ An	Nam	Kinh	040079002751	HBT/BD 005543	NVBC02/2026.48	
49	Nguyễn Lâm Quốc Trọng	11.4.1993	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	079093030427	HBT/BD 005544	NVBC02/2026.49	
50	Lương Văn Trung	10.10.1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	027084013521	HBT/BD 005545	NVBC02/2026.50	

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Ngày sinh</b>	<b>Nơi sinh</b>	<b>Giới tính</b>	<b>Dân tộc</b>	<b>Số định danh cá nhân</b>	<b>Số hiệu CC</b>	<b>Số vào sổ gốc cấp CC</b>	<b>Ký nhận</b>
51	Nguyễn Hoàng Trung	12.3.1996	Phú Thọ	Nam	Kinh	026096003292	HBT/BD 005546	NVBC02/2026.51	
52	Vũ Việt Tùng	13.6.2004	Hà Nội	Nam	Kinh	001204002487	HBT/BD 005547	NVBC02/2026.52	
53	Vũ Ngọc Tuyên	02.6.1993	Hải Phòng	Nam	Kinh	031093007492	HBT/BD 005548	NVBC02/2026.53	
54	Lê Bá Vinh	12.12.1993	Hà Nội	Nam	Kinh	001093045989	HBT/BD 005549	NVBC02/2026.54	
55	Hoàng Yên	22.9.1980	Hà Nội	Nữ	Kinh	001180032178	HBT/BD 005550	NVBC02/2026.55	

***Tổng số: 55 chứng chỉ.***

*Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2026*

**K/T GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Trường Giang**